

BIỂU PHÍ VÀ HẠN MỨC DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ
– ÁP DỤNG CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN
(Hiệu lực từ ngày 01/01/2025)

A	NỘI DUNG	HẠN MỨC GIAO DỊCH
1	Hạn mức chuyển khoản trong hệ thống GPBank trên GP.IB	10.000.000 VNĐ/ 1 giao dịch và tối đa 20.000.000 VNĐ/ ngày *
2	Hạn mức chuyển khoản liên ngân hàng trên GP.IB	
3	Hạn mức nạp tiền và thanh toán hoá đơn (Bao gồm giao dịch trên GP.SMS và GP.IB)	45.000.000 VNĐ/ 1 ngày (Trên GP.SMS tối đa 5.000.000 VNĐ/ ngày)
4	Hạn mức giao dịch Thương mại điện tử (GP.eCom)	50.000.000 VNĐ/ 1 ngày
5	Hạn mức chuyển khoản liên ngân hàng nhanh từ tài khoản thanh toán tại Quầy giao dịch	499.000.000 VNĐ/ 1 giao dịch
B	BIỂU PHÍ DỊCH VỤ	
STT	NỘI DUNG	MỨC PHÍ ÁP DỤNG (Chưa bao gồm VAT)
I	Dịch vụ GP.IB	
1	Phí đăng ký sử dụng dịch vụ	Miễn phí
2	Phí duy trì dịch vụ	8.000 VNĐ/ 1 tháng
3	Phí yêu cầu trợ giúp (Mở khoá dịch vụ, cấp lại mật khẩu truy cập, thay đổi gói dịch vụ)	10.000 VNĐ/ 1 yêu cầu
4	Phí yêu cầu tra soát giao dịch	20.000 VNĐ/ 1 giao dịch tra soát
5	Phí chuyển khoản	
-	Chuyển khoản trong hệ thống GPBank	Miễn phí
-	Chuyển khoản liên ngân hàng qua Citad	9.000 VNĐ/ 1 giao dịch
-	Chuyển khoản liên ngân hàng nhanh 24/7	6.000 VNĐ/ 1 giao dịch
6	Phí giao dịch thanh toán (nạp tiền, thanh toán hoá đơn)	Miễn phí
II	Dịch vụ Chuyển khoản liên ngân hàng nhanh tại Quầy giao dịch	
-	Phí chuyển khoản liên ngân hàng nhanh 24/7 tại Quầy giao dịch	6.000 VNĐ/ 1giao dịch
III	Dịch vụ GP.SMS	
1	Phí đăng ký sử dụng dịch vụ	Miễn phí
2	Phí thường niên	Miễn phí
3	Phí dịch vụ nhận thông báo biến động số dư tài khoản	8.000 VNĐ/ 1 tháng/ 1 số điện thoại
4	Phí giao dịch thanh (Nạp tiền/ Thanh toán hoá đơn)	Miễn phí
5	Phí yêu cầu trợ giúp (Mở tài khoản dịch vụ, cấp lại mật khẩu)	10.000 VNĐ/ 1 yêu cầu
6	Phí yêu cầu tra soát giao dịch	20.000 VNĐ/ 1 giao dịch tra soát

*** Lưu ý:** Hạn mức giao dịch trên không áp dụng đối với: (i) Giao dịch chuyển tiền giữa các tài khoản thanh toán của một khách hàng trong hệ thống GPBank; (ii) Giao dịch gửi tiết kiệm Online.